TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST
Ngày: 17/07/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng Gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Ngọc Viễn**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hơn**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Việt Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2018/TLST- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng Gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Văn X**, sinh năm 1972 **– Chủ doanh nghiệp tư nhân P**.

Địa chỉ: Quốc lộ 1, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Ông X có mặt)

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.**

Trụ sở: Ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Ông **Lê V** trú tại ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH V (Giám đốc Công ty TNHH V). (Ông V vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Trường Mầm non xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đinh Thị L**, chức vụ: Hiệu trưởng. (Bà L có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **<u>Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân H trình bày:</u>**

Vào năm 2015 Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Công ty TNHH V) có thực hiện dự án xây dựng công trình Trường Mầm non xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang với hạng mục là khối lớp học. Quá trình thi công đến tháng 07/2015 Công ty TNHH V có ký hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân P về việc giao gia công, lắp đặt kính, khung bảo vệ nhôm theo hồ sơ thiết kế được duyệt cho công trình Trường Mầm non xã H. Doanh Nghiệp tư nhân P đã hoàn thành gia công cửa nhôm theo hợp đồng, cụ thể doanh nghiệp đã gia công cho Công ty V: cửa đi lớn 02 cánh 13 bộ; cửa đi lớn 01 cánh 13 bộ; cửa đi nhỏ 02 bộ; cửa D2 (cửa nhà vệ sinh) 04 bộ; cửa đi nhỏ 01 cánh loại 9 tấc 13 bộ; cửa đi nhỏ 01 cánh loại 07 tấc 18 bộ; cửa đi nhỏ nhà vệ sinh 40 bộ; cửa sổ lớn 49 bộ; cửa sổ nhỏ 29 bộ; cửa đi nhỏ 06 tấc 03 bộ; mặt dựng bảo vệ cầu thang ngang 7,51m, cao 7,81m; khuôn gió lớn 13 bộ; khuôn gió nhỏ 03 bộ; 01 cột cờ inox cao 6m; vách ngăn tolet kích thước 1,2m x 2m; cửa đi D4 hai cánh mở 40 bộ. Tổng cộng thành tiền là 577.107.000 đồng.

Công ty TNHH V chỉ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P số tiền 149.000.000 đồng làm hai lần. Lần 1, ngày 27/12/2016 (âm lịch) Công ty TNHH V giao 99.000.000 đồng. Lần 2, khoảng tháng 6/2016 Công ty TNHH V giao tiếp 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 428.107.000 đồng Công ty TNHH V chưa thanh toán cho Doanh nghiệp dù Doanh nghiệp có nhắc nhở nhiều lần.

Nay Doanh nghiệp tư nhân P yêu cầu Công ty TNHH V phải trả cho doanh nghiệp số tiền còn nợ là 428.107.000 đồng và lãi chậm trả 0.75%/tháng từ ngày công trình Trường Mầm non xã H được nghiệm thu đưa vào sử dụng tức ngày 30/7/2016 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu Công ty TNHH V phải chịu ½ chi phí thẩm định giá là 6.000.000 đồng theo hợp đồng số 1900957/HĐ.GĐ/TGG ngày 02/5/2019.

Đối với bị đơn Công ty TNHH V – người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê V, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật

tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại là "Hợp đồng gia công". Bị đơn Công ty TNHH V có trụ sở tại ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang và người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH V là ông Lê V cư trú tại ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH V - người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê V vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH V - người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lê V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trường Mầm non xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang - người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Trường Mầm non xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang - người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L.

[3] Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế về việc giao nhận gia công cửa nhôm công trình Trường Mầm non xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang với hạng mục là khối lớp học của Trường Mầm non giữa Bên A (Bên giao thầu) là Công ty TNHH V, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V là ông Lê V và Bên B (Bên nhận thầu) ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P. Trong hợp đồng thể hiện rõ cụ thể nội dung như sau: Bên A giao cho Bên B gia công cửa nhôm cho công trình Trường Mầm non H theo bản vẽ thiết kế KT:01/08, KT:02/08, KT:08/08 do Công ty TNHH G thiết kế đã được phê duyệt của BQL các dự án đầu tư và xây dựng huyện C, cửa nhôm V (gia công, lắp đặt kính, khung bảo vệ nhôm phi 12 luồn sắt 8) theo hố sơ thiết kế được duyệt.

Đại diện của Bên B là ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P

trình bày đã bắt đầu gia công cửa kính + nhôm cho Trường Mầm non xã H từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 06 năm 2016 theo hợp đồng kinh tế với các hạng mục thể hiện cụ thể tại các phiếu giao hàng như sau: cửa đi lớn 02 cánh 13 bộ; cửa đi lớn 01 cánh 13 bộ; cửa đi nhỏ 02 bộ; cửa D2 (cửa nhà vệ sinh) 04 bộ; cửa đi nhỏ 01 cánh loại 9 tấc 13 bộ; cửa đi nhỏ 01 cánh loại 07 tấc 18 bộ; cửa đi nhỏ nhà vệ sinh 40 bộ; cửa sổ lớn 49 bộ; cửa sổ nhỏ 29 bộ; cửa đi nhỏ 06 tấc 03 bộ; mặt dựng bảo vệ cầu thang ngang 7,51m, cao 7,81m; khuôn gió lớn 13 bộ; khuôn gió nhỏ 03 bộ; 01 cột cờ inox cao 6m; vách ngăn tolet kích thước 1,2m x 2m; cửa đi D4 hai cánh mở 40 bộ.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/05/2019, bà Đinh Thị L - đại diện theo pháp luật của Trường Mầm non xã H cho biết công trình Trường Mầm non xã H được đưa vào sử dụng từ tháng 07 năm 2016 cho đến nay. Tại thời điểm nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng thì việc lắp đặt kính, khung bảo vệ nhôm cho Trường đã hoàn thành và đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt, không bị hư hỏng sai sót.

Tại Chứng thư giám định số 190700979/TGG ngày 04/06/2019 của Công ty cổ phần giám định thẩm định S thể hiện cụ thể như sau: 1. Cửa đi nhôm kính 02 cánh mở + cửa sổ nhôm kính 02 cánh trượt (D1): Chất liệu nhôm + kính; ngang 1,4 m; cao 2,6 m; số lượng 13 bộ; diện tích 47,32 m2.

2. Cửa đi nhôm kính 02 cánh mở + cửa sổ nhôm kính 02 cánh trượt (D1): Chất liệu nhôm + kính; ngang 1,2 m; cao 1,7 m; số lượng 13 bộ; diện tích 26,52 m2.

3. Cửa đi nhôm kính 02 cánh mở (D1): Chất liệu nhôm + kính; ngang 1,4 m; cao 2,6 m; số lượng 02 bộ; diện tích 7,28 m2.

4. Cửa đi nhôm kính 01 cánh mở + cửa sổ nhôm kính 02 cánh trượt (D2): Chất liệu nhôm + kính; ngang 0,9 m; cao 2,6 m; số lượng 02 bộ; diện tích 4,68 m2.

5. Cửa đi nhôm kính 01 cánh mở + cửa sổ nhôm kính 02 cánh trượt (D2): Chất liệu nhôm + kính; ngang 1,2 m; cao 1,7 m; số lượng 02 bộ; diện tích 4,08 m2.

6. Cửa đi nhôm kính 01 cánh mở (D2): Chất liệu nhôm + kính; ngang 0,9 m; cao 2,6 m; số lượng 13 bộ; diện tích 30,42 m2.

7. Cửa đi nhôm kính mờ 01 cánh mở (D3): Chất liệu nhôm + kính mờ; ngang 0,7 m; cao 2,15 m; số lượng 16 bộ; diện tích 24,08 m2.

8. Cửa đi nhôm kính 02 cánh mở (D4): Chất liệu nhôm; ngang 0,58 m; cao 0,8 m; số lượng 40 bộ; diện tích 18,56 m2.

9. Cửa đi nhôm kính 02 cánh mở (D5): Chất liệu nhôm; ngang 0,6 m; cao 2,2 m; số lượng 02 bộ; diện tích 2,64 m2.

10. Cửa đi nhôm kính 04 cánh trượt (S1): Chất liệu nhôm + kính; ngang 2,4 m; cao 1,7 m; số lượng 49 bộ; diện tích 199,92 m2.

11. Cửa đi nhôm kính 02 cánh trượt (S2): Chất liệu nhôm + kính; ngang 1,2 m; cao 1,7 m; số lượng 29 bộ; diện tích 59,16 m2.

12. Cửa đi nhôm kính 04 cánh bật: Chất liệu nhôm + kính; ngang 02 m; cao 0,5 m; số lượng 13 bộ; diện tích 13 m2.

13. Cửa đi nhôm kính 02 cánh bật: Chất liệu nhôm + kính; ngang 01 m; cao 0,5 m; số lượng 03 bộ; diện tích 1,5 m2.

14. Vách kính khung nhôm: Chất liệu kính + khung nhôm; ngang 7,2 m; cao 7,75 m; số lượng 01 bộ; diện tích 55,8 m2.

Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn xác định tất cả các hạng mục nêu trên kích thước đúng với bản vẽ, đúng với phiếu giao hàng, vật tư nhôm + kính.

Trong quá trình thực hiện, ông Trương Văn X trình bày Công ty TNHH V nợ Doanh nghiệp tư nhân P tổng số tiền là 577.107.000 đồng nhưng chỉ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân P được 02 lần với số tiền là 149.000.000 đồng (trong đó: lần 1, ngày 27/12/2016 (âm lịch) Công ty TNHH V trả số tiền 99.000.000 đồng; lần 2, khoảng tháng 6/2016 Công ty TNHH Vĩnh T trả số tiền 50.000.000 đồng) thì ngưng trả từ thời điểm đó cho đến nay. Dù Doanh nghiệp tư nhân P có nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty TNHH V vẫn không thanh toán các khoản nợ cho ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P.

Do Công ty TNHH V đã vi phạm về thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ được quy định tại Hợp đồng kinh tế thiết lập giữa Công ty TNHH V và ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P. Buộc Công ty TNHH V phải trả số tiền nợ là 428.107.000 đồng cho ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng từ thời điểm công trình Trường Mầm non xã H được nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 30/7/2016 cho đến ngày tòa xét xử. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tiền Giang; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chinh nhánh tỉnh Tiền Giang; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chinh nhánh tỉnh Tiền Giang thì mức lãi suất trung bình trên thị trường vào thời điểm xét xử sơ thẩm là (10,5% + 10,5% + 10,5%) x150% = 15,75%/năm. Xét yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng (09%/năm) của số tiền 428.107.000 đồng mà Công ty TNHH V còn nợ ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi theo mức lãi suất 0.75%/tháng từ ngày 30/07/2016 cho đến ngày hôm nay 17/07/2019 được tính như sau:

* 428.107.000 đồng x 0.75%/tháng x 35 tháng 17 ngày (từ ngày 30/07/2016 đến ngày 17/07/2019) = 114.197.541 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH V phải trả cho ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P là 542.304.541 đồng gồm tiền nợ gốc 428.107.000 đồng và tiền lãi 114.197.541 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH V phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn X- Chủ doanh nghiệp tư nhân P chi phí giám định là 6.000.000 đồng. Thời gian 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 179, Điều 183, Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P. Buộc Công ty TNHH V phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P số tiền 542.304.541 đồng (gồm tiền vốn 428.107.000 đồng và tiền lãi là 114.197.541 đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.692.181 đồng.

Ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.589.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0013377 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH V phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn X - Chủ doanh nghiệp tư nhân P chi phí giám định là 6.000.000 đồng. Thời gian 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hánh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND. TP Mỹ Tho.*
- *Chi cục THADS. TP Mỹ Tho.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hánh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.